

Số: 3868 /SNV-XDCQ

Hà Nội, ngày 29 tháng 12 năm 2021

V/v hướng dẫn một số nội dung về tiêu chuẩn trình độ đào tạo khi thực hiện các Thông tư của Bộ Giáo dục và Đào tạo về chuyên xếp CDNN giáo viên

Kính gửi: Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã

Trong thời gian qua, các quận, huyện, thị xã đang thực hiện quy trình chuyển chức danh nghề nghiệp của giáo viên theo quy định tại các thông tư của Bộ Giáo dục và Đào tạo¹. Tuy nhiên, có một số vấn đề vướng mắc nảy sinh trong quá trình triển khai về tiêu chí trình độ đào tạo, sau khi xin ý kiến của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Cục Nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục², tiếp theo Công văn số 1326/SNV-XDCQ ngày 19/5/2021, Sở Nội vụ thành phố Hà Nội đề nghị UBND quận, huyện, thị xã lưu ý một số trường hợp đặc thù sau:

1. Các trường hợp được xem xét chuyển xếp chức danh nghề nghiệp

a) Các trường hợp được xem xét đủ điều kiện về trình độ, chuyên ngành đào tạo để chuyển chức danh nghề nghiệp: Giáo viên THCS có trình độ Cao đẳng sư phạm 2 môn (bằng kép), có bằng Đại học của một trong hai chuyên ngành theo trình độ Cao đẳng. Hiện được phân công giảng dạy bộ môn theo bằng Đại học đã hoàn thiện. Các giáo viên này phải được đánh giá hoàn thành nhiệm vụ trở lên và được Hội đồng xét duyệt của nhà trường thống nhất bằng văn bản.

b) Đối với các trường hợp là giảng viên trường Đại học, giáo viên THPT được tiếp nhận về làm giáo viên THCS, giáo viên dạy các môn đặc thù của tiểu học được điều chuyển dạy tại cấp THCS, ... nếu đảm bảo đủ các tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp của giáo viên cấp học được chuyển đến thì lập danh sách riêng (kèm hồ sơ) báo cáo Sở Nội vụ thẩm định, xem xét chuyển chức danh nghề nghiệp theo quy định tại Nghị định số 115/2020/NĐ-CP về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức. Việc bổ nhiệm và xếp lương đối với các trường hợp trên căn cứ vào các Thông tư 02, 03/2021/TT-BGDĐT ngày 02/02/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Thông tư số 02/2007/TT-BNV ngày 25/5/2007 của Bộ Nội vụ.

¹ Thông tư số 01/2021/TT-BGDĐT quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và bổ nhiệm, xếp lương viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập; Thông tư số 02/2021/TT-BGDĐT quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và bổ nhiệm, xếp lương viên chức giảng dạy trong các trường tiểu học công lập; Thông tư số 03/2021/TT-BGDĐT quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và bổ nhiệm, xếp lương viên chức giảng dạy trong các trường trung học cơ sở công lập

² Công văn số 1104/NGCBQLGD-CSNGCB ngày 21/10/2021 của Cục Nhà giáo và Cán bộ quản lý giáo dục

2. Các trường hợp giữ nguyên theo chức danh nghề nghiệp giáo viên đã được bổ nhiệm và áp dụng bảng hưởng hiện hưởng (gồm giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục cấp mầm non, tiểu học, THCS chưa đạt trình độ chuẩn theo quy định tại Điều 72 của Luật Giáo dục năm 2019, trong thời gian chưa đạt chuẩn đào tạo về trình độ), cụ thể:

a) Các trường hợp cán bộ quản lý giáo dục, giáo viên có bằng đại học ngành Quản lý giáo dục, đại học ngành Tâm lý học;

b) Các đ/c Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng, nguyên là giáo viên THCS được điều động và bổ nhiệm làm viên chức quản lý trường tiểu học;

c) Giáo viên THCS được tuyển dụng giảng dạy 1 môn có trình độ Đại học Sư phạm, đã được bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp giáo viên THCS hạng II, mã số V.07.04.11 và nay được phân công giảng dạy 1 môn khác mà cá nhân có bằng cao đẳng (Ví dụ: năm 1994, giáo viên (có trình độ Đại học Sư phạm Anh văn; Cao đẳng Sư phạm Âm nhạc), được tuyển dụng làm giáo viên giảng dạy môn Tiếng Anh. Từ năm 1994 - 1997, giảng dạy Tiếng Anh; từ năm 1998 - 2018 giảng dạy 2 môn Tiếng Anh và Âm nhạc; từ 2018 đến nay giảng dạy bộ môn Âm nhạc;

d) Giáo viên Tổng phụ trách cấp tiểu học hiện có trình độ cao đẳng sư phạm 1 môn chuyên ngành giáo viên THCS và Tổng phụ trách hoặc bằng Cao đẳng sư phạm chuyên ngành giáo viên THCS trở lên và chứng chỉ nghiệp vụ công tác Đội, chưa đủ điều kiện theo quy định tại Điểm a Khoản 3 Điều 3 Thông tư số 02/2021/TT-BGDĐT;

đ) Giáo viên THCS có bằng Cao đẳng sư phạm đúng chuyên ngành, bằng Đại học ngành Quản lý giáo dục, hiện đang giữ chức danh nghề nghiệp giáo viên THCS hạng II, mã số V.07.04.11 hoặc giáo viên THCS hạng I, mã số V.07.04.10;

e) Giáo viên được tuyển dụng giảng dạy các môn học đặc thù của khối tiểu học (Ví dụ: giáo viên có trình độ Đại học, ngành Âm nhạc, chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm; Cao đẳng, ngành: Sư phạm Tiểu học), do nhu cầu công việc, đã được điều chuyển sang giáo viên cơ bản, dạy văn hóa.

3. Ngày 18/10/2021, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 89/2021/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01/9/2017 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức, trong đó quy định mỗi chuyên ngành có 01 chương trình bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành. Như vậy, kể từ ngày Nghị định số 89/2021/NĐ-CP có hiệu lực (ngày 10/12/2021) đến khi có hướng dẫn mới của Bộ Giáo dục và Đào tạo, khi thực hiện bổ nhiệm, xếp lương đối với giáo viên mầm non, giáo viên phổ thông chỉ yêu cầu mỗi giáo viên có 01 chứng chỉ bồi dưỡng tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp.

Do đó, các giáo viên đã có chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp, khác so với hạng chức danh nghề nghiệp sẽ được bổ nhiệm

được coi là đủ điều kiện và thời gian được bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp theo các thông tư của Bộ Giáo dục và Đào tạo từ ngày 15/10/2021 (Ví dụ: Giáo viên THCS hạng II nhưng chỉ có Chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp cho giáo viên THCS hạng I).

Trong quá trình triển khai, thực hiện gặp khó khăn, vướng mắc, đề nghị các đơn vị trao đổi trực tiếp với Sở Nội vụ (qua phòng Xây dựng chính quyền) để trao đổi, hướng dẫn và báo cáo UBND Thành phố những nội dung vượt thẩm quyền./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- P.Nội vụ quận, huyện, thị xã;
- Giám đốc Sở NV;
- PGĐ Sở: Nguyễn Chí Đoàn;
- Phòng: XDCQ, CCVC;
- Lưu: VT, XDCQ_(MH-02b).

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Chí Đoàn